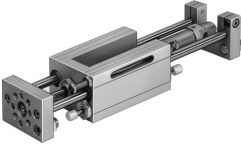


# Trục truyền động SLE-20- -KF-A

Số bộ phận: 150091

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                               | Giá trị                                                       |
|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Hành trình                                             | 10 mm...320 mm                                                |
| Ø pít tông                                             | 20 mm                                                         |
| Chế độ hoạt động của bộ truyền động                    | Ách                                                           |
| Đệm                                                    | Bộ giảm chấn, đường đặc tính cứng                             |
| Vị trí lắp đặt                                         | bất kì                                                        |
| Dẫn hướng                                              | Thanh dẫn hướng cầu tuần hoàn                                 |
| Cấu trúc xây dựng                                      | Dẫn hướng                                                     |
| Phát hiện vị trí                                       | cho các công tắc gần<br>cho cảm biến cảm ứng                  |
| Áp suất vận hành                                       | 0.25 MPA...1 MPA<br>2.5 bar...10 bar                          |
| Nguyên tắc vận hành                                    | tác động kép                                                  |
| Môi chất vận hành                                      | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                          |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                  | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo) |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                   | 0 - không ứng suất ăn mòn                                     |
| Tuân thủ LABS                                          | VDMA24364-B2-L                                                |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                         | -20 °C...80 °C                                                |
| Lực lý thuyết ở mức 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), dòng hồi  | 158 N                                                         |
| Lực theo lý thuyết tại 0,6 MPa (6 bar, 87 psi), luống  | 188 N                                                         |
| Khối lượng di chuyển ở hành trình 0 mm                 | 500 g                                                         |
| Khối lượng di chuyển bổ sung trên mỗi hành trình 10 mm | 12 g                                                          |
| Trọng lượng cơ bản ở hành trình 0 mm                   | 1882 g                                                        |
| Trọng lượng bổ sung cho mỗi hành trình 10 mm           | 19 g                                                          |
| Cổng nối khí nén                                       | G1/8                                                          |
| Vật liệu phủ                                           | Hợp kim nhôm rèn                                              |
| Vật liệu của phốt                                      | PA                                                            |
| Vật liệu vỏ                                            | Nhôm                                                          |
| Vật liệu thanh piston                                  | thép không gỉ hợp kim cao                                     |
| Vật liệu vỏ xy lanh                                    | thép hợp kim không gỉ                                         |